TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 422/2023/DS-PT
Ngày: 29/8/2023
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất, buộc chấm dứt hành vi tranh chấp đất và di dời tài sản trên đất; yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trọng;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Mai;

Bà Hoàng Thị Bích Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhật Phương - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Bùi Minh Nghĩa, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý 261/2023/TLPT-DS ngày 22 tháng 06 năm 2023 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất, buộc yêu cầu chấm dứt hành vi tranh chấp và yêu cầu di dời tài sản trên đất; yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất", do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 22/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 9496/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 8 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Hoàng Văn G1, sinh năm 1952; địa chỉ: Số 8 ngõ 149 đường L1, phường Đ1, thành phố S1, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Phúc T1 - Luật sư Công ty Luật TNHH PT, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Văn X, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn H1, xã H2, thành phố S1, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Hoàng Thị N1, sinh năm 1962, có mặt;

2. Anh Hoàng Văn T2, sinh năm 1985, vắng mặt;

3. Chị Âu Thị T3, sinh năm 1991, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn H1, xã H2, thành phố S1, tỉnh Lạng Sơn.

4. Bà Nguyễn Thị K1, sinh năm 1954, vắng mặt;

5. Anh Hoàng Thanh B1, sinh năm 1987, vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị K1 và anh Hoàng Thanh B1: Ông Hoàng Văn G1 (Giấy ủy quyền chứng thực số 434 ngày 11/7/2022), có mặt.

Cùng địa chỉ: Số 8 ngõ 149 đường L1, phường Đ1, thành phố S1, tỉnh Lạng Sơn.

6. Anh Hoàng Đình T4, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 8b, ngõ 149, đường L1, phường Đ1, thành phố S1, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

7. Anh Hoàng Minh T5, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 6, ngõ 149, đường L1, phường Đ1, thành phố S1, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

8. Bà Hoàng Thị M1, sinh năm 1964; địa chỉ: Số 64 KT, tổ 2, khối 9, phường V1, thành phố S1, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

9. Bà Hoàng Thị C1, sinh năm 1957, vắng mặt;

10. Anh Hoàng Văn B2 (T6), sinh năm 1973, vắng mặt;

11. Anh Hoàng Văn T7, sinh năm 1975, vắng mặt;

12. Anh Hoàng Văn T8, sinh năm 1978, vắng mặt;

13. Chị Hoàng Thị Đ2, sinh năm 1983, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn H1, xã H2, thành phố S1, tỉnh Lạng Sơn.

14. Chị Hoàng Thị L2, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn PC, xã C2, huyện C3, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

15. Chị Dương Thị X1, sinh năm 1987; địa chỉ: Đường KT, xã H3, huyện C3, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

16. Chị Dương Thị H4, sinh năm 1984. Người đại diện theo pháp luật là ông Dương Đức K2. Cùng địa chỉ: Số 7, đường CV, phường V1, thành phố S1, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

17. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

18. Ủy ban nhân dân thành phố S1, tỉnh Lạng Sơn; người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Quang N2 - Phó trưởng Phòng Tài nguyên Môi trường thành phố S1, tỉnh Lạng Sơn (Giấy ủy quyền ngày 13/9/2022), vắng mặt.

19. Công ty điện lực Lạng Sơn; địa chỉ: Số 109 đường TN, phường T9, thành phố S1, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng M2 - Trưởng phòng Thanh tra, bảo vệ, pháp chế Công ty điện lực Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn (Giấy ủy quyền số 396/GUQ-PCLS ngày 28/02/2023), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/5/2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và lời trình bày tại phiên hòa giải, phiên tòa nguyên đơn ông Hoàng Văn G1 trình bày:* Bố ông là Hoàng Văn T10 chết năm 1995, mẹ ông là Nguyễn Thị C4 chết năm 2015), bố mẹ ông có 6 người con là ông Hoàng Văn H5; bà Hoàng Thị V; ông Hoàng Văn G1; ông Hoàng Văn X; bà Hoàng Thị C1 và em út là bà Hoàng Thị M1 (hiện ông H5, bà V đã chết).

Về nguồn gốc đất tranh chấp 209,6m^2 thửa số 420 tờ bản đồ số 44 tại thôn H1, xã H2 là của bố mẹ ông khai phá từ những năm 1975, quá trình bố mẹ ông và gia đình quản lý, sử dụng nhưng chưa có giấy tờ của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Sau đó năm 1995 bố mẹ chia cho ông và em trai là ông Hoàng Văn X (còn ông Hoàng Văn H5 sử dụng chỗ đất khác), cụ thể ông Hoàng Văn H5 mang Biên bản phân chia ruộng đất đề ngày 12/4/1995 đến nhà ông ở đường L1, phường Đ1 để ông ký, khi đó Biên bản này đã có chữ ký của ông Hoàng Văn X, ông Hoàng Văn H5, có điểm chỉ của mẹ ông là bà Nguyễn Thị C4 (mẹ ông không biết chữ) và ông Phan Kiến V2 là chú rể ký chứng kiến (ông V2 đã chết), nội dung phân chia đất của bố mẹ để lại. Thời điểm này ông đi thoát ly và sinh sống cùng vợ, con tại đường L1, phường Đ1, thành phố S1. Sau khi được chia dù không sinh sống trên đất nhưng ông vẫn quản lý, sử dụng khoảng năm 1997-1998 ông có trồng cây gỗ sưa, đến năm 2014 ông bán hết cây và năm 2015-2016 ông có trồng mấy cây đào nhưng đã bị chặt hết; còn các cây đào hiện còn trên đất do ông Hoàng Văn X trồng khoảng năm 2018. Quá trình sử dụng đất ông còn được làm nhà khi bà Hoàng Thị C1 đi lấy chồng, nhưng do có mâu thuẫn với bên chồng có về nhà ở, nên đã xây một nhà cấp bốn nhỏ để bà Hoàng Thị C1 và bố mẹ ông ở, sau đó được vài năm bà Hoàng Thị C1 lại về nhà chồng thì bố mẹ ông quản lý sử dụng.

Đến năm 2003, Nhà nước có chủ trương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đại trà cho các hộ dân có đất sử dụng ổn định, không tranh chấp thì mẹ ông nhờ trưởng thôn kê khai đăng ký ngày 31/5/2003, đến ngày 28/10/2003 ông được Ủy ban nhân dân thành phố S1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với 2 thửa là thửa 253 và thửa 228 tờ bản đồ số 44 xã H2, đứng tên hộ là ông Hoàng

Văn G1, vợ là bà Nguyễn Thị K1; đến năm 2006 bà Hoàng Thị C1 cầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSD đất) từ UBND xã H2 về cho ông, thì ông mới biết được cấp GCNQSD đất. Qua hồ sơ cấp GCNQSD đất Tòa án thu thập và ông được tiếp cận xem xét, ông thấy Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa 253 và 228 cùng đề ngày 31/5/2003 không phải chữ viết, chữ ký của ông, mà do mẹ ông nhờ trưởng thôn ông Hoàng Văn T11 viết hộ (ông T11 chết năm 2013). Trong suốt thời gian từ năm 2003 khi kê khai và được cấp GCNQSD đất không có tranh chấp với ai, theo ông thì ông Hoàng Văn X cũng biết gia đình ông đã được cấp GCNQSD đất đối với 2 thửa đất trên, trong đó có thửa 253, nay có một phần đang tranh chấp; hơn nữa năm 2016 khi ông chuyển nhượng lại một phần đất cho ông Đoàn Văn H6, làm thủ tục tách thửa và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp GCNQSD đất cho ông Đoàn Văn H6 tách một phần từ thửa 253 và thửa 228 ra thành thửa 419 đã bán cho ông Đoàn Văn H6; phần còn lại của thửa 253 diện tích 209,6m^2 thành thửa mới là 420 tờ bản đồ số 44 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp GCNQSD đất cho vợ chồng ông ngày 07/11/2016 thì ông Hoàng Văn X có biết cũng không có ý kiến hay tranh chấp gì. Đến năm 2021, ông đưa khách đến xem để chuyển nhượng bán nốt phần đất còn lại thửa 420 diện tích 209,6m^2 thì gia đình ông Hoàng Văn X không đồng ý và xảy ra tranh chấp.

Nay ông khẳng định đất tranh chấp bố mẹ đã phân chia cho ông, đất đã được cấp GCNQSD đất đúng quy định. Nếu ông Hoàng Văn X không tranh chấp, thì ông nhất trí để cho gia đình ông Hoàng Văn X diện tích đất làm lối đi rộng là 2m kéo thẳng từ tường giáp cổng của nhà ông Hoàng Văn X (thửa số 227) xuống đường đi TN. Trường hợp ông Hoàng Văn X vẫn tranh chấp ông Hoàng Văn G1 không chấp nhận yêu cầu hủy một phần GCNQSD đất của ông Hoàng Văn X và đề nghị Tòa án giải quyết các nội dung sau:

- Ông phải được quyền sử dụng đất đối với diện tích đất theo kết quả Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đo đạc thực thế là 207,6m^2 thửa số 420 tờ bản đồ số 44 tại thôn H1, xã H2;

- Yêu cầu ông Hoàng Văn X chấm dứt hành vi tranh chấp đối với 207,6m^2 thửa số 420 tờ bản đồ số 44 tại thôn H1, xã H2 nêu trên;

- Phải di dời toàn bộ số cây đào trên đất tranh chấp, trả lại đất trên cho gia đình ông.

- Ông rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 5,3m^2 ông được cấp nhưng không sử dụng và phần đất nằm ngoài diện tích được cấp theo trích đo khu đất tranh chấp đề ngày 10/8/2022.

- *Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, lời trình bày tại phiên hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Hoàng Văn X trình bày:* Nguồn gốc đất tranh chấp là

do bố mẹ khai phá từ lâu, năm 1975 bố mẹ ông và ông chuyển từ trong khe đồi ra xây dựng nhà tại khu vực đất khai phá, trong đó có đất tranh chấp hiện nay, nhà xây ở vị trí đất ông Hoàng Văn G1 đã bán cho ông Đoàn Văn H6. Còn ông Hoàng Văn G1 đi bộ đội từ năm 1972, lúc đó còn ở nhà cũ trong khe đồi; khi đi bộ đội về thì ông Hoàng Văn G1 làm ngành xuất nhập khẩu và lập gia đình ở riêng tại đường L1, phường Đ1 không sinh sống cùng bố mẹ, còn ông sống cùng bố mẹ ông cho đến nay. Năm 1984 ông lấy bà Hoàng Thị N1 và sống cùng nhà với bố mẹ ông. Năm 1987, ông xây dựng ngôi nhà đằng sau phía trên nhà của bố mẹ ông, hiện nay gia đình vợ chồng ông vẫn đang ở và đi lại ra đường cái TN bằng con đường trên đất nay đang tranh chấp; còn bố mẹ ông sống ở ngôi nhà phía dưới giáp đường TN nhưng ăn uống cùng gia đình ông. Đầu năm 1995 bố ông chết, sau đó mẹ ông lên sống cùng nhà ông, ngôi nhà cũ của bố mẹ bỏ không, sau đó thì phá bỏ. Diện tích đất đang tranh chấp gia đình ông sử dụng là lối đi lại, một phần làm vườn, trồng rau, nuôi gà; phần đất ông Hoàng Văn G1 đã bán cho ông Đoàn Văn H6, trong đó có nhà cũ của bố mẹ ông, phần còn lại gia đình ông sử dụng làm vườn. Quá trình sử dụng khoảng từ năm 1993 đến năm 2016 gia đình ông còn dựng quán bán hàng sát mặt đường TN để bán hàng, khi ông Hoàng Văn G1 bán một phần đất cho ông Đoàn Văn H6 ông mới phá quán đi; về cây trên đất ông Hoàng Văn G1 có mang về một số cây gỗ sưa để ông trồng, sau đó ông Hoàng Văn G1 tự bán, lấy tiền không cho ông, hiện trên đất còn 15 cây đào do ông trồng và 01 cây trứng gà, 01 cây mắc mật và 01 cây hồng do tự mọc đã có từ lâu. Vào khoảng năm 2006 ông có đi kê khai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất hiện gia đình ông đang ở và diện tích đất hiện nay đang tranh chấp thì được cán bộ xã nói rằng thửa này đó ông Hoàng Văn G1 đã kê khai rồi, ông không có ý kiến gì vì thực tế ông vẫn đang sử dụng đất và là anh em, ông nghĩ rằng ai kê khai đều được rồi sau anh em tự phân chia nhau nên ông không có ý kiến gì; còn phần đất gia đình ông sử dụng làm nhà hiện nay vẫn đang ở do có tranh chấp với hàng xóm về lối đi nên chưa được cấp giấy. Đến năm 2016, ông Hoàng Văn G1 bán một phần đất cho ông Đoàn Văn H6 và ông Hoàng Văn G1 xây tường ngăn cách giữa phần đất đã bán cho ông Đoàn Văn H6 và phần đất còn lại thì ông Hoàng Văn G1 nói phần đất còn lại (diện tích tranh chấp) là của gia đình ông, nhưng năm 2021 ông Hoàng Văn G1 lại đổi ý muốn bán nốt và đưa khách đến xem đất để bán, gia đình ông không Xđồng ý cho bán, thì ông Hoàng Văn G1 mới đưa cho ông xem bản phô tô 2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa 228 và 253 nói là đất đã được cấp GCNQSD đất cho ông Hoàng Văn G1 và một Biên bản phân chia ruộng đất đề ngày 12/4/1995. Tuy nhiên, việc cấp giấy CNQSD đất cho ông Hoàng Văn G1 ông hoàn toàn không biết, còn giấy phân chia ruộng đất là không có, không đúng vì ông không được ký, không có chữ ký của ông, còn chữ viết Hoàng Văn X ghi trong giấy này không phải chữ của ông.

Ông cho rằng việc cấp GCNQSD đất cho ông Hoàng Văn G1 thửa 253 là không đúng thực tế, vì ông Hoàng Văn G1 không phải là người trực tiếp sử dụng, cũng không phải đất do bố mẹ đã chia cho ông Hoàng Văn G1, lúc đó bố ông đã mất, còn mẹ vẫn sinh sống cùng vợ chồng ông và gia đình ông là người trực tiếp quản lý sử dụng đất ổn định từ trước đến nay. Căn cứ hồ sơ cấp GNCQDS đất cho ông Hoàng Văn G1 thấy ông và các hộ liền kề không được ký giáp ranh; hơn nữa ông Hoàng Văn G1 đi làm Nhà nước không sinh sống và có hộ khẩu tại nơi có đất và không phải là người kê khai cấp giấy chứng nhận, còn mẹ ông không biết chữ cũng không phải là người đi kê khai hộ cho ông Hoàng Văn G1, nên việc cấp GCNQSD đất cho ông Hoàng Văn G1 là cấp không đúng đối tượng sử dụng, cấp cả đất lối đi gia đình ông sử dụng để đi lại.

Nay ông đề nghị hủy một phần GCNQSD đất đã cấp cho ông Hoàng Văn G1 ngày 28/10/2003 của UBND thành phố S1, diện tích yêu cầu hủy một phần của thửa 253 chính là thửa 420 mà Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh đã cấp ngày 07/11/2016, nên ông yêu cầu hủy một phần GCNQSD đất cấp ngày 07/11/2016 đối với diện tích 207,6m^2 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp cho ông Hoàng Văn G1. Đối với diện tích đất trong thửa 253 do ông Hoàng Văn G1 đã chuyển nhượng cho ông Đoàn Văn H6, vì là anh em và đã bán rồi thì ông đồng ý, ông không yêu cầu giải quyết. Nay ông Hoàng Văn G1 lại đòi lấy nốt phần đất còn lại để đem bán là không đúng, ông không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn G1, ông đề nghị được quyền quản lý sử dụng 207,6m^2 và tài sản hiện có trên đất đang tranh chấp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bên phía nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị K1 cùng ý kiến và đề nghị như ông Hoàng Văn G1; còn anh Hoàng Thanh B1, Hoàng Đình T4, Hoàng Minh T5 đều cho rằng không liên quan, đề nghị Tòa án giải quyết theo đề nghị của ông Hoàng Văn G1.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bên phía bị đơn:* Bà Hoàng Thị N1 cùng ý kiến, quan điểm đề nghị với ông Hoàng Văn X; anh Hoàng Văn T2, chị Âu Thị T3 xác định không có liên quan, đề nghị Tòa xem xét giải quyết theo đề nghị của ông Hoàng Văn X.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Hoàng Thị C1, bà Hoàng Thị M1, các anh Hoàng Văn T8, Hoàng Văn Tuyên, Hoàng Văn T7 và chị Hoàng Thị Đ2, Hoàng Thị L2, Dương Thị H4, Dương Thị X1 đều xác định không có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến đất tranh chấp, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* UBND thành phố S1 trình bày và xác định việc cấp GCNQSDĐ diện tích 318m^2 thửa số 253, tờ bản đồ số 44 xã H2 thành phố S1, tỉnh Lạng Sơn, cấp ngày 28/10/2003 cho hộ ông Hoàng Văn G1

là cấp theo diện đại trà, trình tự lập hồ sơ xét duyệt cấp đúng quy định tại Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục địa chính; yêu cầu hủy một phần GCNQSD đất của bị đơn không có cơ sở xem xét, giải quyết, UBND thành phố đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và chỉ xem xét, giải quyết khi Bản án có hiệu lực của Tòa án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cho rằng việc Sở Tài nguyên cấp GCNQSD đất đối với diện tích đất 209,6m^2 thửa số 420, tờ bản đồ số 44 xã H2 cho hộ ông Hoàng Văn G1 là cấp trên cơ sở năm 2016 tách thửa số 253, tờ bản đồ số 44 xã H2, tổng diện tích 318m^2 thành thửa 419 và 420. Thửa 419 hộ ông Hoàng Văn G1 chuyển nhượng cho ông Đoàn Văn H6 và bà Hoàng Thị H7, diện tích còn lại của hộ ông Hoàng Văn G1 được cấp GCNQSDĐ là 209,6m^2 thửa số 420 mang tên hộ ông Hoàng Văn G1, bà Nguyễn Thị K1 là đúng quy định pháp luật, nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu hủy GCNQSD đất của bị đơn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty Điện lực tỉnh Lạng Sơn xác định trên đất các bên tranh chấp, năm 2008 điện lực có cải tạo lưới điện đấu nối đường dây hạ thế sau TBA Tam Lung có đặt cột điện hạ thế thứ tự là cột số 23 trên đất đang tranh chấp, công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng do Hội đồng bồi thường thành phố S1 thực hiện theo quy định, đã bồi thường 0,8m^2 đất cho ông Hoàng Văn X người quản lý, sử dụng đất theo đúng quy định, nên công ty điện lực Lạng Sơn có quyền sử dụng đất để tiếp tục quản lý cột điện hạ thế với chủ sử dụng đất, nên xác định không có liên quan đến việc giải quyết tranh chấp giữa các đương sự.

Ngày 02/8/2022, Tòa án nhân dân thành phố S1, tỉnh Lạng Sơn đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ có trích đo khu đất kèm theo, cụ thể diện tích thực trạng đang sử dụng là 212,9m^2, trong đó diện tích nằm trong GCNQSD đất không sử dụng và nằm ngoài GCNQSD đất lại sử dụng là 5,3m^2, nên xác định diện tích đất các bên đang tranh chấp là 207,6m^2 (sau khi trừ đi 5,3m^2 trên) thuộc thửa số 420 (gồm các đỉnh thửa từ A1, A2, A3, A13, A4, A5, A6, A8, A9, A11 tại trích đo) tờ bản đồ số 44 tại thôn Z (nay thôn H1), xã H2, là loại đất trồng cây hàng năm. Đất tranh chấp có vị trí phía Nam giáp đất ông Lã Văn T12 có cạnh dài 6,15m + 2,05m + 0,81m + 10,92m; phía Bắc giáp đất ông Đoàn Văn H6 có cạnh dài 6,22m + 4,97m + 9,15m; phía Đông G1 đất, nhà ở ông Hoàng Văn X có cạnh dài 9,31m; phía Tây giáp rãnh mương (tiếp đến đường TN) có cạnh dài 19,53m.

Tài sản hiện có trên đất là 01 cây trứng gà, 01 cây mắc mật, 01 cây hồng đều tự mọc và 15 cây đào ông Hoàng Văn X trồng năm 2017 và 2019; 01 đường láng bê tông rộng 18,7m^2 do ông Hoàng Văn X xây năm 2019; 01 hàng gạch xây

dài 20m, cao trung bình 20cm do ông Hoàng Văn G1 xây năm 2016; 01 cột điện hạ thế của Công ty điện lực Lạng Sơn. Kết quả định giá tài sản tranh chấp: Về đất trị giá các bên tự thỏa thuận và được Hội đồng chấp nhận là 5.000.000 đồng/1 mét vuông; trị giá các cây trên đất là 9.798.000 đồng; trị giá tường gạch xây là 705.000 đồng; trị giá đường láng bê tông là 11.458.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã quyết định trưng cầu giám định việc cấp GCNQSD đất diện tích 318m^2 thửa số 253, tờ bản đồ số 44, được UBND thành phố S1 cấp ngày 28/10/2003 cho hộ ông Hoàng Văn G1 (nay đã tách thành thửa 419 và 420) có đúng quy định pháp luật không. Ngày 26/9/2022, Giám định viên có văn bản từ chối giám định do hồ sơ cung cấp chưa đủ cơ sở pháp lý để kết luận (Hồ sơ tài liệu gồm: Sổ địa chính, sổ mục kê, sổ đăng ký đất đai liên quan đến thửa 253 tờ 44 xã H2 chưa được cơ quan có thẩm quyền kiểm duyệt, xác nhận và ký đóng dấu theo quy định).

Tại phần tranh luận bà Nguyễn Thị Trung V3, Luật sư là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Về nguồn gốc đất tranh chấp là do bố mẹ để lại cho ông Hoàng Văn G1, được các anh chị em trong gia đình thừa nhận; sau đó ông Hoàng Văn G1 quản lý, sử dụng chứng cứ là năm 1992 được xây nhà cho bố mẹ ở, trong đó có bà Hoàng Thị C1 là em gái đi lấy chồng nhưng do có mâu thuẫn với chồng nên về ở một vài năm, điều này bà Hoàng Thị C1 đã thừa nhận; quá trình sử dụng ông Hoàng Văn G1 trồng cây sưa là thực tế vì năm 2019 ông được bán cây cho ông Vũ Đình H8, có giấy mua bán làm chứng; quá trình cấp GCNQSD đất được thực hiện đúng quy định do Hội đồng xét duyệt có thẩm quyền thực hiện, hơn nữa ông Lê Văn C5 lúc đó làm Chủ tịch UBND xã H2 từ năm 1994 đến năm 2004 xác nhận thời điểm đó cấp đất theo chủ trương giao đất đại trà, khi hộ ông Hoàng Văn G1 xin cấp đất không có ai tranh chấp, nên cấp đúng quy định; còn ông Hoàng Văn X cho rằng không được biết là không đúng, thời điểm đó ông Hoàng Văn X cũng kê khai được cấp đối với đất ruộng, nay tại phiên tòa lại cho rằng chưa được cấp loại đất nào là mâu thuẫn. Như vậy, việc chia đất cho các con của bố mẹ ông Hoàng Văn G1 là thực tế. Hơn nữa năm 2016 ông Hoàng Văn G1 đã chuyển nhượng một phần đất cho ông Đoàn Văn H6 thì ông Hoàng Văn X cũng biết nhưng không có ý kiến gì, nên việc xác lập quyền sử dụng đất của ông Hoàng Văn G1 là có căn cứ pháp luật. Tuy nhiên thực tế, gia đình ông Hoàng Văn X cần có con đường đi ra ngoài mặt đường, theo biên bản hòa giải, nguyên đơn có thiện chí để con đường đi cho ông Hoàng Văn X rộng 3m, nhưng bị đơn không đồng ý nên ông Hoàng Văn G1 chỉ đồng ý để phần đất làm đường đi cho ông Hoàng Văn X rộng 2m. Từ những phân tích chứng cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn G1 được sử dụng 207,6m^2, nhưng ông Hoàng Văn G1 tự nguyện để lại con đường rộng 2m cho ông Hoàng Văn X làm đường

đi lại; về chi phí tố tụng đề nghị giải quyết theo quy định; về án phí, trường hợp ông Hoàng Văn G1 phải chịu thì đề nghị miễn tiền án phí vì ông là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn án phí.

Ông Hoàng Văn G1 không trình bày gì thêm, nhất trí với nội dung tranh luận của Luật sư người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông đã nêu trên.

Bị đơn ông Hoàng Văn X và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị N1 trình bày tranh luận: Giữ nguyên quan điểm đã trình bày ở trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn, vì việc cấp GCNQSD đất cho hộ ông Hoàng Văn G1 là không đúng, gia đình ông Hoàng Văn G1 thực tế không quản lý sử dụng, không có việc bố mẹ đã phân chia đất, giấy phân chia là giả mạo, đề nghị hủy một phần GCNQSD đất đã cấp cho hộ ông Hoàng Văn G1 và ông phải được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp và các tài sản trên đất; ông Hoàng Văn G1 phải chịu toàn bộ các chi phí tố tụng theo quy định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày: 22/3/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 6 Điều 11; Điều 15; Điều 164 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 9, 14 Điều 26; khoản 1 Điều 34; Điều 35; Điều 37; Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 165; khoản 2 Điều 244; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 3; Điều 20; Điều 32 và Điều 36 của Luật Đất đai năm 1993; Điều 32; Điều 38; khoản 1, khoản 5 Điều 105 của Luật đất đai năm 2003; các Điều 101, 166, 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ mục I.2 phần 2 Thông tư 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục Địa chính hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; căn cứ Điều 1 Quy định v/v giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp ban hành kèm theo Nghị định 64 - CP ngày 27/9/1993 của Chính Phủ;

Căn cứ điểm đ khoản 5 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Hoàng Văn G1 đòi quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích 5,3m^2, do nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn G1 đòi quyền quản lý, sử dụng 207,6m^2 đất trong thửa đất số 420, tờ

bản đồ 44 xã H2, thành phố S1, tỉnh Lạng Sơn; không chấp nhận yêu cầu buộc ông Hoàng Văn X phải chấm dứt hành vi tranh chấp đất và di dời tài sản trên đất tranh chấp.

3. Chấp nhận yêu cầu của ông Hoàng Văn X, cụ thể:

3.1. Hộ ông Hoàng Văn X được quyền quản lý sử dụng đất diện tích 207,6 m^2 thửa số 420 tờ bản đồ số 44 tại thôn H1, xã H2, thành phố S1, tỉnh Lạng Sơn, thửa đất có các phía tiếp giáp sau:

- Phía Đông G1 đất ông Hoàng Văn X có cạnh dài 9,31m;

- Phía Tây giáp rãnh mương (tiếp giáp đường TN) có cạnh dài 19,53m.

- Phía Nam giáp đất ông Lã Văn T12 có cạnh dài 6,15m + 2,05m + 0,81m + 10,92m;

- Phía Bắc giáp đất ông Đoàn Văn H6 có cạnh dài 6,22m + 4,97m + 9,15m;

(Có trích đo khu đất tranh chấp kèm theo, thửa đất tranh chấp ngày 10/8/2022, thể hiện các đỉnh thửa A1, A2, A3, A13, A4, A5, A6, A8, A9, A11).

3.2. Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành Y 191710, số vào sổ 02347 QSDĐ/641/2003/QĐ-UB (H) ngày 28/10/2003 cấp cho hộ ông Hoàng Văn G1, bà Nguyễn Thị K1 thửa số 253 tờ bản đồ số 44 với diện tích là 207,6m^2 tại (thôn Z) nay là thôn H1, xã H2, thành phố S1, tỉnh Lạng Sơn.

3.3. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 097959, số vào sổ cấp GCN: CS-04293 ngày 07/11/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp cho hộ ông Hoàng Văn G1, bà Nguyễn Thị K1 đối với thửa số 420 tờ bản đồ số 44 tại thôn H1, xã H2, thành phố S1, tỉnh Lạng Sơn.

3.4. Ông Hoàng Văn X được quyền sở hữu, sử dụng các tài sản trên đất tranh chấp trên gồm: 01 (một) cây Trứng gà; 01 (một) cây Mác mật; 01 (một) cây Hồng và 15 (mười lăm) cây Đào; đường láng bê tông rộng 18,7m^2; tường xây gạch diện tích 4m^2.

Đối với 01 (một) cột điện hạ thế trên thửa số 420 nêu trên thuộc quyền sở hữu của Công ty Điện lực tỉnh Lạng Sơn (quyền sử dụng đất đặt cột điện theo thỏa thuận giữa Công ty Điện lực Lạng Sơn và hộ ông Hoàng Văn X).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04 tháng 4 năm 2023, nguyên đơn là ông Hoàng Văn G1 có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án.

Ngày 06 tháng 4 năm 2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành quyết định kháng nghị số 17/QĐ với nội dung sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, ông Hoàng Văn G1 trình bày Tòa án sơ thẩm cho rằng tôi không có hộ khẩu ở đó và không sản xuất nông nghiệp, để quyết định không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của tôi và hủy GCNQSD đất của tôi là không đúng, đây là đất ông cha để lại cho tôi, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo.

Quan điểm của Luật sư Nguyễn Phúc T1: Nguồn gốc đất ông G1 đang sử dụng là của bố mẹ ông G1, ngoài diện tích đất này, bố mẹ ông G1 còn khai hoang diện tích đất khác. Bố mẹ ông G1 phân chia đất cho 3 người con trai từ năm 1992 đến năm 1995, việc chia đất của bố mẹ do ông H5 thực hiện và làm giấy tờ, ông G1 được cho diện tích đất đang tranh chấp, ông H5, ông X cũng được chia đất. Năm 2001, các diện tích đất đã được đo đạc theo tên từng người, ông H5 có thửa đất số 97, 98, 110, 111; ông X có thửa đất số 95, 227; ông G1 được chia thửa 228, 253. Trong nhiều văn bản tài liệu, vợ chồng ông X trình bày đất đai do bố mẹ để lại, khi bố mẹ còn sống đã chia đất bằng miệng cho 3 anh em, tại các tài liệu cấp GCNQSD đất năm 2003: Đơn đăng kí quyền sử dụng đất, biên bản xét duyệt, các thửa đất ông H5, ông G1, ông X kê khai đều xác định nguồn gốc đất do ông cha để lại. Đây là căn cứ Nhà nước cấp GCNQSD đất cho gia đình ông G1, trong quá trình cấp GCNQSD đất không có ai khiếu nại gì, bản án sơ thẩm xác định ông X có thời gian sử dụng đất nên được quyền sử dụng đất là không đúng vì diện tích đất này do bố mẹ các ông khai phá và sử dụng chung chứ không phải riêng ông X. Nguồn gốc đất của bố mẹ nên ông G1 và các anh em sử dụng chung, ông G1 đã làm một căn nhà trên phần thửa đất số 253 và bà C1cũng thừa nhận nội dung này, ông X cũng thừa nhận ông G1 trồng cây gỗ sưa trên thửa 253, ông G1 chuyển nhượng thửa 253 nhưng không ai có ý kiến gì. Về việc ông X cho rằng việc ông G1 xây tường ngăn cách là không đúng: Ông X cho rằng từ năm 2016 ông G1 đã chuyển nhượng đất cho ông H6 nên diện tích trên không còn của ông G1, việc xây tường để xác định ranh giới giữa đất của ông G1, ông H6; nếu đất của ông X thì người xây tường là ông X chứ không phải ông H6. Ông X cho rằng có thỏa thuận đổi đất: Đất đã chuyển nhượng cho ông H6 nên không thỏa thuận đổi đất được. Ông X được bố mẹ cho thửa đất 227, ông X biết việc ông G1 đi kê khai nhưng ông X không có ý kiến gì. Việc ông X làm đường qua thửa 253 là sau khi ông G1 được cấp GCNQSD đất là không hợp pháp.

Bản án sơ thẩm cho rằng vì có lối đi của ông X nên việc cấp GCNQSD đất cho ông G1 là không phù hợp, không có căn cứ. Nguồn gốc số 253 là do bố mẹ ông G1 để lại, không có tranh chấp nên việc cấp GCNQSD đất cho ông G1

là đúng quy định, việc hủy GCNQSD đất cấp cho ông Hoàng Văn G1 là không đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau xét xử sơ thẩm, ông Hoàng Văn G1 có đơn kháng cáo, đồng ý với nội dung đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông G1 về yêu cầu quản lý, sử dụng 5,3m^2 do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện, không đồng ý các nội dung khác.

Xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị và các tài liệu chứng cứ có trong vụ án thấy: Ông G1 khai, năm 1995, bố mẹ chia đất cho ông và ông X theo Biên bản phân chia ruộng đất ngày 12/4/1995. Tuy nhiên, ông X không thừa nhận biên bản này; không có chữ ký của ông X, chữ viết "Hoàng Văn X" trong biên bản là do ông Hoàng Văn H5 ghi; không có dấu vân tay của cụ C4 nên không có giá trị pháp lý, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu đòi quyền sử dụng 207,6m^2 đất thửa số 420 tờ bản đồ 44 tại thôn H1, xã H2 của ông Hoàng Văn G1 như bản án sơ thẩm đã nhận định.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố S1 cấp mang tên hộ ông Hoàng Văn G1, quá trình giải quyết vụ án, ông G1 thừa nhận không phải là người kê khai quyền sử dụng đất mà là người khác kê khai hộ. Đồng thời, đất có nguồn gốc của cụ T10 và cụ C4, việc ông G1 được cấp giấy chứng nhận không có ý kiến của những người thừa kế khác của cụ T10 là ông X, bà C1, bà M1, ông H5. Mặt khác, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông G1 không có hộ khẩu, không sinh sống tại Y. Do đó, hộ ông G1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 253 (sau là thửa 420) là không đúng nguồn gốc, đối tượng sử dụng đất nên cần hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này.

Đối với yêu cầu của ông Hoàng Văn X về việc đề nghị công nhận quyền sử dụng thửa đất tranh chấp, thấy: Đất có nguồn gốc của cụ T10, cụ C4 để lại chưa chia. Gia đình ông X là người quản lý, sử dụng. Bản án sơ thẩm cho rằng ông X sử dụng đất từ trước năm 2003 và đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chấp nhận yêu cầu của ông X về việc công nhận hộ gia đình ông X được quyền quản lý, sử dụng 207,6 m^2 tại thửa 420 tờ bản đồ 44 thôn H1, xã H2, thành phố S1, tỉnh Lạng Sơn là không chính xác. Do gia đình ông X đang là người thực tế quản lý, sử dụng; trong vụ án này, các đương sự không có yêu cầu

chia thừa kế nên cần tạm giao cho ông đồng quản lý, sử dụng diện tích đất đang tranh chấp và sở hữu các tài sản trên đất theo kết quả thẩm định.

Theo Công văn số 406/PCLS-TTBVPC ngày 28/2/2023 (BL 463) của Công ty điện lực Lạng Sơn cung cấp thông tin liên quan đến việc xây dựng cột điện trên thửa đất 420 tờ bản đồ số 4 thì cột điện được dựng trên 0,8m của thửa đất, diện tích này đã được thu hồi và bồi thường giải phóng mặt bằng, ông X là người có tên trong danh sách bồi thường nên cột điện và 0,8m^2 đất thuộc quyền sở hữu và sử dụng của công ty điện lực Lạng Sơn. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không ai có yêu cầu gì về nội dung này. Bản án tuyên cột điện thuộc sở hữu của công ty Điện lực Lạng Sơn và quyền sử dụng đất đặt cột điện theo thỏa thuận giữa công ty Điện lực Lạng Sơn với ông X là không cần thiết.

Theo kết quả thẩm định tại chỗ, diện tích đất tranh chấp đo thực tế là 212,9m, chênh lệch với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp là 5,3m^2 thuộc các thửa 420.1 diện tích 1,4m^2, 420.3 diện tích 3,1m^2, 420.4 diện tích 0,8m^2. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn rút yêu cầu giải quyết đối với phần diện tích này. Bản án sơ thẩm đình chỉ yêu cầu này là đúng quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc bản án không ghi rõ vị trí diện tích đất, đỉnh, điểm phần diện tích 5,3m^2 là thiếu sót nhưng sơ đồ kèm theo bản án đã thể hiện phần diện tích này nên vẫn đảm bảo cho công tác thi hành án.

Do ông G1 (nguyên đơn) đã rút yêu cầu giải quyết đối với 5,3m^2 nên diện tích đất tranh chấp thực tế là 207,6m^2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 253 đã được thu hồi khi tách thành thửa 420. Mục 3.2 của Bản án sơ thẩm hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02347 ngày 28/10/2003 cho hộ ông Hoàng Văn G1 đối với thửa 253 diện tích 207,6m^2 là không chính xác như nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn (Mục 3.3 Bản án quyết định hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 097959 ngày 07/11/2016 cấp cho hộ ông Hoàng Văn G1, bà Nguyễn Thị K1 đối với thửa 420 tờ bản đồ 44 tại thôn H1, xã H2, thành phố S1, tỉnh Lạng Sơn là đúng, phần này không ghi diện tích thửa đất là "209,6m^2" như nội dung kháng nghị).

Từ những phân tích nêu trên, thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn G1, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định như sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành theo quy định của pháp luật, tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, và đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn giải quyết là đúng.

[3] Đơn kháng cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn trong hạn luật định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[4] Xét kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử thấy như sau:

Về xác định thửa đất và diện tích đất tranh chấp: Ông Hoàng Văn G1 và ông Hoàng Văn X là hai anh em ruột, tranh chấp diện tích đất theo GCNQSD đất là 209,6m^2 thửa số 420 tờ bản đồ số 44 tại thôn H1, xã H2, thành phố S1 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 07/11/2016 cho hộ ông Hoàng Văn G1 và bà Nguyễn Thị K1. Thửa 420 này xác định thuộc một phần thửa 253 có tổng diện tích 318m^2 trước đó được UBND thành phố S1 cấp GCNQSD đất ngày 28/10/2003 cho hộ ông Hoàng Văn G1; phần đất còn lại của thửa 253, năm 2016 gia đình ông Hoàng Văn G1 đã chuyển nhượng 108,4m^2 cho ông Đoàn Văn H6, bà Hoàng Thị H7 tách thành thửa 419; sau khi chuyển nhượng diện tích còn lại của thửa 253 là 209,6m^2 thành số thửa 420 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp GCNQSD đất cho hộ ông Hoàng Văn G1, bà Nguyễn Thị K1.

Căn cứ kết quả xem xét thẩm định, trích đo ngày 02/8/2022, xác định diện tích theo GCNQSD đất được cấp và hiện trạng sử dụng thì có diện tích nằm trong GNCQSD đất nhưng không tranh chấp sử dụng và có diện tích nằm ngoài GCNQSD đất lại tranh chấp sử dụng, có tổng diện tích là 5,3m^2, nên xác định diện tích đất các bên đang tranh chấp còn lại là 207,6m^2. (Tuy nhiên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành Y 191710, số vào sổ 02347 QSDĐ/641/2003/QĐ-UB(H) ngày 28/10/2003 cấp cho hộ ông Hoàng Văn G1, bà Nguyễn Thị K1 thửa số 253 tờ bản đồ số 44 với diện tích là 209,6m^2). Tòa án cấp sơ thẩm lại xác định theo đo đạc thực tế để hủy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành Y 191710, số vào sổ 02347 QSDĐ/641/2003/QĐ-UB(H) ngày 28/10/2003 cấp cho hộ ông Hoàng Văn G1, bà Nguyễn Thị K1 thửa số 253 tờ bản đồ số 44 với diện tích là 207,6m^2 là không chính xác do đó cần sửa lại số liệu trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xin rút yêu cầu đòi quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích 5,3m^2. Do nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu, căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với diện tích đất này là đúng. Tuy nhiên cần phải xác định tứ cận theo sơ đồ.

[5] Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp qua các tài liệu, lời khai của đương sự đều xác định phần đất tranh chấp là của bố mẹ ông Hoàng Văn G1, Hoàng Văn X khai phá quản lý sử dụng để lại, nhưng chưa có giấy tờ quyền quản lý sử dụng của cơ quan Nhà nước; trước là đất ruộng do cụ Hoàng Văn T10, cụ Nguyễn Thị C4, ông Hoàng Văn X quản lý, sử dụng từ năm 1975, sau đó đất khô hạn chuyển trồng cây ăn quả, cây lâu năm và trồng ngô, sắn…; đến năm 1995 cụ Hoàng Văn T10 chết thì phần đất đai này vẫn chưa có trong sổ địa chính và chưa được đo vẽ. Năm 2001, khi Nhà nước thực hiện việc đo đạc đất, thì phần diện tích đất này và cả phần diện tích đất tiếp giáp mà ông Hoàng Văn G1 đã bán cho ông Đoàn Văn H6 mới được đo đạc, lập bản đồ địa chính. Như vậy, việc các đương sự công nhận phần diện tích đất tranh chấp là của cụ Hoàng Văn T10 và cụ Nguyễn Thị C4 để lại là không có căn cứ pháp lý, mà chỉ có cơ sở xác định nguồn gốc đất ban đầu là của cụ Hoàng Văn T10 và cụ Nguyễn Thị C4 khai phá sử dụng từ trước.

[6] Xét yêu cầu của ông Hoàng Văn G1 đòi được quyền sử dụng đất tranh chấp 207,6m^2 thửa số 420 tờ bản đồ số 44 tại thôn H1, xã H2, thấy rằng, ông Hoàng Văn G1 cung cấp giấy phân chia ruộng đất ngày 12/4/1995 và xác định giấy do ông Hoàng Văn H5 là anh trai cả viết, rồi đưa ông ký khi đó có chữ ký của ông Hoàng Văn X và ông Phan Kiến V2 chú rể ký làm chứng, mẹ ông là cụ Nguyễn Thị C4 có điểm chỉ bằng nhọ nồi nay đã bay màu. Tuy nhiên thực tế không có chữ ký của ông Hoàng Văn X, còn chữ viết "Hoàng Văn X" là do người lập giấy ông Hoàng Văn H5 viết; hơn nữa tại thời điểm này đất tranh chấp do gia đình gồm cụ Nguyễn Thị C4 và ông Hoàng Văn X, bà Hoàng Thị N1 cùng các con đang quản lý sử dụng, không tranh chấp; ông Hoàng Văn H5 và ông Hoàng Văn G1 không ai quản lý, sử dụng trên phần đất này nên không có quyền phân chia đất, vì vậy giấy phân chia ruộng đất không có giá trị chứng minh. Về quá trình sử dụng đất tranh chấp, ông Hoàng Văn G1 cho rằng ông trồng cây sưa, đã bán có người mua cây sưa làm chứng xác nhận; việc này ông Hoàng Văn X cũng khẳng định ông Hoàng Văn G1 mang cây sưa về để ông trồng, nên năm 2015 khi bán ông Hoàng Văn X không thắc mắc tiền bán cây sưa. Còn việc ông Hoàng Văn G1 khai xây nhà cho bố mẹ ông và cho bà Hoàng Thị C1 về ở nhờ một thời gian bà Hoàng Thị C1 thừa nhận, tại phiên tòa xác định nhà ở nằm trên phần đất ông Hoàng Văn G1 đã bán cho ông Đoàn Văn H6 và xây trước thời điểm được cấp GCNQSD đất, nên chưa có cơ sở xác định đất tranh chấp thuộc của ông Hoàng Văn G1, mà người trực tiếp quản lý là cụ Hoàng Văn T10 (khi đó còn sống), cụ Nguyễn Thị C4 và vợ chồng ông Hoàng Văn X; về quá trình sử dụng quản lý đất tranh chấp bà Hoàng Thị C1, Hoàng Thị M1 là các em gái đều có bản khai xác định đất tranh chấp gia đình ông Hoàng Văn X quản lý sử dụng từ lâu, còn ông Hoàng Văn G1 đã thoát ly ở chỗ khác không quản lý sử dụng, nên phải là của ông Hoàng Văn X. Đối với việc xây tường rào ngăn cách đất đã bán cho ông Đoàn Văn H6 năm 2016, các ông Dương

Đức K2 (chồng bà Hoàng Thị V1), Phan Văn Đ3 (chồng bà Hoàng Thị M1) là các em rể đều khai là xây ngăn cách giữa đất đã bán cho ông Đoàn Văn H6, phần đất còn lại nay đang tranh chấp là của gia đình ông Hoàng Văn X quản lý sử dụng mới đúng. Tại phiên hòa giải, phiên tòa ông Hoàng Văn G1 đồng ý để cho gia đình Hoàng Văn X một lối đi từ nhà ra đường chính TN với chiều rộng 02m, giáp về phía cổng nhà của ông X kéo thẳng xuống đường chính TN và không yêu cầu bồi thường tiền đất lối đi, nhưng ông Hoàng Văn X không đồng ý, nên không thỏa thuận được. Căn cứ những tình tiết, chứng cứ trên không có căn cứ xác định ông Hoàng Văn G1 là người trực tiếp quản lý sử dụng đất đang tranh chấp.

[7] Về việc kê khai xin cấp và thủ tục cấp GCNQSD đất cho hộ ông Hoàng Văn G1, thì chính ông thừa nhận không được kê khai mà do người khác kê khai hộ, qua kiểm tra hồ sơ cấp GCNQSD đất thấy, cùng thời điểm kê ngày 31/5/2003 đối với thửa 228 và 253 thì thửa 228 thể hiện có sơ họa ký giáp ranh, nhưng thửa 253 lại không có ký giáp ranh và chữ ký của ông Hoàng Văn G1 xin kê khai của hai thửa cũng khác nhau. Tại biên bản ngày 27/8/2003 của Hội đồng đăng ký đất đai xã H2 lập biên bản xét duyệt tại trang 10 phần 5, của ông Hoàng Văn G1 có ghi sử dụng đúng mục đích, nguồn gốc sử dụng đất ông cha để lại, sử dụng ổn định và phù hợp với quy hoạch, nhất trí đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 253 tại thôn Z; sau đó Phòng địa chính thành phố S1 có Tờ trình số 283 TT/ĐC về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân thôn Z, xã H2 và ngày 28/10/2003 Ủy ban nhân dân thành phố S1 ban hành Quyết định số 641/QĐ-UB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho 93 hộ gia đình tại thôn Z xã H2, theo danh sách số thứ tự số 5 thể hiện có hộ ông Hoàng Văn G1 và ghi địa chỉ thường trú thôn Z đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 253, tờ bản đồ số 44, diện tích 318m^2; nhưng thực tế xác minh ông Hoàng Văn G1 không có hộ khẩu thường trú, tạm trú tại thôn Z mà có đăng ký hộ khẩu thường trú và thực tế ở tại phường Đ1, thành phố S1, nên không phải là người trực tiếp sử dụng đất nông nghiệp như kê khai. Theo quy định tại khoản 1 mục I.2 Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục Địa chính hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp, thì việc đăng ký kê khai đất đai phải là chủ hộ hoặc người được chủ hộ ủy quyền đang quản lý sử dụng đất nông nghiệp. Mà tại thời điểm ông Hoàng Văn G1 xin cấp GCNQSD đất thì cụ Nguyễn Thị C4, ông Hoàng Văn X, bà Hoàng Thị N1 vẫn đang trực tiếp quản lý, sử dụng đất nay tranh chấp. Nhưng do Hội đồng đăng ký đất đai xã H2, Phòng địa chính thành phố S1 không xác minh thực tế người trực tiếp sử dụng đất nông nghiệp dẫn đến việc cấp sai đối tượng. Hơn nữa, căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố S1 xác định, phía trên đất tranh chấp có nhà, đất ông Hoàng Văn X xây dựng năm 1987 và sử dụng cho đến nay có một lối đi lại là phần cuối

thửa đất giáp cổng của nhà, đất ông Hoàng Văn X, mà gia đình ông Hoàng Văn X và gia đình bà Hà Thị M3 (hàng xóm của ông X) đi lại, nên việc cấp toàn bộ phần đất đang tranh chấp cho ông Hoàng Văn G1 có cả phần đất làm đường đi của ông Hoàng Văn X là cấp không đúng thực tế sử dụng đất, do vậy việc cấp GCNQSD đất cho hộ ông Hoàng Văn G1 đối với thửa 253 là sai đối tượng, không đúng trình tự thủ tục quy định, nên có căn cứ để hủy một phần GCNQSD đất cấp ngày 28/10/2003 đối với thửa 253 cho hộ ông Hoàng Văn G1; đồng thời cần hủy GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 097959, số vào sổ cấp GCN: CS - 04293 ngày 07/11/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp tách từ thửa 253 cho hộ ông Hoàng Văn G1, bà Nguyễn Thị K1 đối với diện tích 207,6m^2, thửa số 420 tờ bản đồ số 44 tại thôn H1, xã H2, thành phố S1, tỉnh Lạng Sơn.

[8] Xét yêu cầu của ông Hoàng Văn X đòi được quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp thấy rằng, ông Hoàng Văn X ở cùng bố mẹ là cụ Hoàng Văn T10, cụ Nguyễn Thị C4 và quản lý, sử dụng thửa 253 từ năm 1975 là đúng; quá trình sinh sống, lấy vợ và năm 1987 ông Hoàng Văn X đã xây nhà ở trên thửa đất của bố mẹ khai phá ở phía trên (xác định là thửa 227) và có đường đi qua phần đất đang tranh chấp, việc quản lý sử dụng thể hiện có các cây còn lại trên đất xác định gia đình ông Hoàng Văn X trồng; hơn nữa năm 2008 Công ty Điện lực Lạng Sơn có đến đặt cột điện trên phần đất thửa 420, ông Hoàng Văn X là người thỏa thuận và nhận tiền bồi thường 355.600 đồng; trong thời gian sử dụng bà Hoàng Thị N1 là người đi nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp hàng năm theo quy định. Việc trực tiếp quản lý, sử dụng đất của vợ chồng ông Hoàng Văn X cùng mẹ đẻ là cụ Nguyễn Thị C4 thì các em gái đều thừa nhận; ngoài ra bà Hà Thị M3 là hàng xóm có xin đi nhờ đường đi lên nhà của bà từ năm 1991, được một thời gian ông Hoàng Văn X xây tường bịt lối đi không cho bà M3 đi nữa thì xảy ra tranh chấp, nên đến nay thửa 227 chưa được cấp GCNQSD đất cho nhà ông Hoàng Văn X, nên xác định gia đình ông Hoàng Văn X quản lý, sử dụng đất đang tranh chấp từ trước năm 2003 khi ông Hoàng Văn G1 xin cấp GCNQSD đất là có căn cứ. Đối với hồ sơ cấp GCNQSD đất thửa 253 của UBND thành phố S1 cho hộ ông Hoàng Văn G1 là không đúng trình tự, đối tượng như đã nhận định phân tích trên. Như vậy có cơ sở khẳng định, ông Hoàng Văn X đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 420 tờ bản đồ số 44 xã H2 theo Thông tư 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục Địa chính hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ban hành kèm theo Nghị định số 64 - CP ngày 27/9/1993 của Chính Phủ; căn cứ khoản 1 Điều 3, Điều 20, Điều 36, khoản 1, 6 Điều 73 Luật Đất đai năm 1993; khoản 1, 5 Điều 105 Luật đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 101, khoản 1, 5 Điều 166 Luật đất đai năm 2013. Do đây chỉ là yêu cầu về việc đề nghị công nhận quyền sử dụng đất, vì ông đang là người quản lý sử dụng đất, do đó chỉ

tạm giao cho ông X quản lý, sử dụng diện tích đất đang tranh chấp và sở hữu các tài sản trên đất và liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như đã phân tích ở trên.

[9] Từ những nhận định, phân tích trên thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Văn G1 đòi quyền quản lý sử dụng đất đang tranh chấp. Đồng thời công nhận quyền quản lý, sử dụng đất tranh chấp cho bị đơn ông Hoàng Văn X theo quy định của pháp luật; nên có căn cứ hủy một phần GCNQSD đất tranh chấp 209,6m^2 thửa số 420 nằm trong GCNQSD đất số Y 191710, số vào sổ 02347 QSDĐ/641/2003/QĐ-UB(H) của UBND thành phố S1 cấp ngày 28/10/2003 số thửa 253 tờ bản đồ số 44, tổng diện tích cấp 318m^2 tại thôn Z cho hộ ông Hoàng Văn G1, bà Nguyễn Thị K1. Do thửa đất số 420 được tách ra từ thửa 253 nên cũng có cơ sở hủy GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 097959, số vào sổ cấp GCN: CS - 04293 ngày 07/11/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp tách thửa cho hộ ông Hoàng Văn G1, bà Nguyễn Thị K1 đối với diện tích 209,6m^2 thửa số 420 tờ bản đồ số 44 tại thôn H1, xã H2, thành phố S1, tỉnh Lạng Sơn.

[10] Về yêu cầu của ông Hoàng Văn G1 buộc ông Hoàng Văn X di dời toàn bộ số cây trồng trên đất và chấm dứt hành vi tranh chấp không được chấp nhận vì những nhận định phân tích trên xác định đất thuộc quyền quản lý sử dụng của ông Hoàng Văn X, nên ông Hoàng Văn X được tiếp tục sở hữu, sử dụng các cây trên đất, đường bê tông vì là tài sản của ông Hoàng Văn X; đối với 01 hàng gạch xây năm 2016 dài 20m, cao trung bình 20cm, diện tích 4m^2 do ông Hoàng Văn G1 xây, nhưng gạch của gia đình ông Hoàng Văn X và tại phiên tòa ông Hoàng Văn G1 không yêu cầu giải quyết đối với phần tường gạch này, nên giao cho ông Hoàng Văn X quản lý sử dụng.

Về 01 cột điện hạ thế của Công ty Điện lực Lạng Sơn, cột điện được dựng trên 0,8m^2 của thửa đất, diện tích này đã được thu hồi và bồi thường giải phóng mặt bằng. Hiện tại Công ty Điện lực Lạng Sơn quản lý sử dụng. Bản án sơ thẩm tuyên cột điện thuộc sở hữu của công ty Điện lực Lạng Sơn và quyền sử dụng đất đặt cột điện theo thỏa thuận giữa công ty Điện lực Lạng Sơn với ông X là không cần thiết.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Hoàng Văn G1, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm.

Do kháng cáo của ông Hoàng Văn G1 không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng ông Hoàng Văn G1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm quy định tại

điểm đ khoản 5 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa một phần quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 22/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn cụ thể như sau:

Căn cứ vào khoản 6 Điều 11; Điều 15; Điều 164 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 9, khoản 14 Điều 26; khoản 1 Điều 34; Điều 35; 37 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 165; khoản 2 Điều 244; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 3; Điều 20; Điều 32 và Điều 36 của Luật Đất đai năm 1993; Điều 32, 38; khoản 1, khoản 5 Điều 105 của Luật đất đai năm 2003; các Điều 101, 166, 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ mục I.2 phần 2 Thông tư 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục Địa chính hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; căn cứ Điều 1 Quy định v/v giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp ban hành kèm theo Nghị định 64 - CP ngày 27/9/1993 của Chính Phủ;

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Hoàng Văn G1 đòi quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích 5,3m^2, do nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện. Diện tích 5,3m^2 nằm tại 3 thửa tạm, thửa tạm 420.1 diện tích 1,4m^2 tại các điểm A9, A10, A11, thửa tạm 420.3 diện tích 3,1m^2 tại các điểm A6, A7, A8, thửa tạm 420.4 diện tích 0,8m^2 tại các điểm A3, A4, A13. Theo bản đồ trích đo khu đất tranh chấp tại thôn H1, xã H2, thành phố S1, tỉnh Lạng Sơn.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn G1 đòi quyền quản lý, sử dụng 207,6m^2 đất trên thửa đất số 420, tờ bản đồ 44 xã H2, thành phố S1, tỉnh Lạng Sơn; không chấp nhận yêu cầu buộc ông Hoàng Văn X phải chấm dứt hành vi tranh chấp đất và di dời tài sản trên đất tranh chấp.

3. Hộ ông Hoàng Văn X được quyền quản lý sử dụng đất diện tích 207,6 m^2 trên thửa số 420 tờ bản đồ số 44 tại thôn H1, xã H2, thành phố S1, (trừ đi 0,8m^2 đất công ty điện lực Lạng Sơn đã chôn cột điện hạ thế) thửa đất có các phía tiếp giáp sau:

- Phía Đông G1 đất ông Hoàng Văn X có cạnh dài 9,31m;

- Phía Tây giáp rãnh mương (tiếp giáp đường TN) có cạnh dài 19,53m.

- Phía Nam giáp đất ông Lã Văn T12 có cạnh dài 6,15m + 2,05m + 0,81m + 10,92m;

- Phía Bắc giáp đất ông Đoàn Văn H6 có cạnh dài 6,22m + 4,97m + 9,15m;

(Có trích đo khu đất tranh chấp kèm theo, thửa đất tranh chấp ngày 10/8/2022, thể hiện các đỉnh thửa A1, A2, A3, A13, A4, A5, A6, A8, A9, A11).

Ông Hoàng Văn X có quyền và nghĩa vụ kê khai cấp GCNQSDĐ nêu trên.

3.2. Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành Y191710, số vào sổ 02347 QSDĐ/641/2003/QĐ-UB(H) ngày 28/10/2003 cấp cho hộ ông Hoàng Văn G1, bà Nguyễn Thị K1 thửa số 253 tờ bản đồ số 44 với diện tích là 209,6m^2 tại (thôn Z) nay là thôn H1, xã H2, thành phố S1, tỉnh Lạng Sơn.

3.3. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 097959, số vào sổ cấp GCN: CS-04293 ngày 07/11/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp cho hộ ông Hoàng Văn G1, bà Nguyễn Thị K1 đối với thửa số 420 tờ bản đồ số 44 tại thôn H1, xã H2, thành phố S1, tỉnh Lạng Sơn.

3.4. Ông Hoàng Văn X được quyền sở hữu, sử dụng các tài sản trên đất tranh chấp trên gồm: 01 (một) cây Trứng gà; 01 (một) cây Mắc mật; 01 (một) cây Hồng và 15 (mười lăm) cây Đào; đường láng bê tông rộng 18,7m^2; tường xây gạch diện tích 4m^2.

4. Về án phí: Ông Hoàng Văn G1 được miễn án phí phúc thẩm dân sự.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**** Nơi nhận:***
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT; HCTP; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Xuân Trọng